

Số: 10/2017/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2017

THÔNG TƯ

Quy định về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về việc xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.
2. Thông tư này không áp dụng với các tài liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan nhà nước khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là bộ, ngành, địa phương), cơ quan chuyên môn của các bộ, ngành, địa phương.
2. Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp bộ và cấp tỉnh.
3. Tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam.

4. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

5. Thông tư này không áp dụng với Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. “*Cơ sở dữ liệu thành phần*” là bộ phận cấu thành của Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ, bao gồm các thông tin có cấu trúc phản ánh về tiềm lực, kết quả và hoạt động khoa học và công nghệ.

2. “*Thông tin thư mục*” là thông tin được tạo lập và sử dụng nhằm thông báo, giới thiệu tuyên truyền về tài liệu.

3. “*Thông tin toàn văn*” là thông tin thư mục cùng với bản toàn văn điện tử của các tài liệu có liên quan.

4. “*An toàn thông tin*” là sự bảo vệ thông tin và hệ thống thông tin nhằm bảo đảm tính nguyên vẹn, tính chính xác của thông tin và khả năng khai thác, sử dụng liên tục của hệ thống thông tin.

Điều 4. Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ bao gồm các cơ sở dữ liệu thành phần sau:

- a) Cơ sở dữ liệu về Tổ chức khoa học và công nghệ;
- b) Cơ sở dữ liệu về Cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;
- c) Cơ sở dữ liệu về Nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- d) Cơ sở dữ liệu về Công bố khoa học và chỉ số trích dẫn khoa học;
- đ) Cơ sở dữ liệu Thống kê khoa học và công nghệ;
- e) Cơ sở dữ liệu Công nghệ, công nghệ cao, chuyển giao công nghệ;
- g) Cơ sở dữ liệu Thông tin về khoa học và công nghệ trong khu vực và trên thế giới;
- h) Cơ sở dữ liệu Doanh nghiệp khoa học và công nghệ;
- i) Cơ sở dữ liệu Thông tin sở hữu trí tuệ;
- k) Cơ sở dữ liệu tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

2. Thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ là nguồn thông tin chính thức phục vụ quản lý, điều hành, hoạch định chính sách về khoa học và công nghệ của quốc gia, bộ, ngành và địa phương, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Điều 5. Nguyên tắc xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ được xây dựng, quản lý theo nguyên tắc tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương trên cơ sở phân định quyền hạn, trách nhiệm cụ thể của các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Việc cập nhật, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ phải bảo đảm đầy đủ, chính xác và kịp thời, thống nhất từ trung ương đến địa phương.

3. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và lưu trữ lâu dài, đúng mục đích, tạo thuận lợi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu cung cấp thông tin từ cơ sở dữ liệu.

4. Bảo đảm quyền của các tổ chức, cá nhân được tiếp cận, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Tiêu chuẩn áp dụng

1. Việc xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ phải bảo đảm phù hợp với kiến trúc hệ thống thông tin quốc gia, đáp ứng chuẩn về cơ sở dữ liệu và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin và định mức kinh tế - kỹ thuật; tính tương thích, khả năng tích hợp, chia sẻ thông tin và khả năng mở rộng các trường dữ liệu trong thiết kế hệ thống và phần mềm ứng dụng.

2. Thiết kế cấu trúc Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ phải bảo đảm việc mở rộng và phát triển.

Điều 7. Kinh phí xây dựng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ

1. Kinh phí xây dựng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ được bảo đảm bằng ngân sách nhà nước dành cho khoa học và công nghệ (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương) và huy động từ các nguồn kinh phí khác.

2. Kinh phí xây dựng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ bao gồm:

a) Đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ xây dựng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ;

b) Bảo đảm vận hành hệ thống mạng thông tin nghiên cứu và đào tạo quốc gia phục vụ Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ;

c) Thu thập, xử lý, cập nhật, tích hợp thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ;

d) Thực hiện các hoạt động bảo đảm an toàn, an ninh và bảo mật thông tin.

3. Các bộ, ngành, địa phương cân đối, bố trí kinh phí thực hiện trong dự toán hằng năm của mình bảo đảm theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Chương II

CƠ SỞ DỮ LIỆU THÀNH PHẦN CỦA

CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 8. Cơ sở dữ liệu về Tổ chức khoa học và công nghệ

1. Cơ sở dữ liệu về Tổ chức khoa học và công nghệ là tập hợp thông tin, dữ liệu về tổ chức khoa học và công nghệ, bao gồm các nội dung chính:

- a) Thông tin chung về tổ chức (Tên, địa chỉ, lĩnh vực hoạt động);
- b) Thông tin về nhân lực;
- c) Thông tin về kinh phí hoạt động;
- d) Thông tin về cơ sở vật chất - kỹ thuật;
- đ) Thông tin về hợp tác quốc tế;
- e) Thông tin về hoạt động khoa học và công nghệ và các kết quả đạt được;
- g) Thông tin về tài sản trí tuệ.

2. Cơ sở dữ liệu về Tổ chức khoa học và công nghệ được xây dựng và quản lý tập trung tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ. Các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh có trách nhiệm cập nhật thông tin về các tổ chức khoa học và công nghệ thuộc bộ, ngành và địa phương khi có sự thay đổi.

Điều 9. Cơ sở dữ liệu về Cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

1. Cơ sở dữ liệu về Cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ là tập hợp thông tin về các cán bộ tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, bao gồm các nội dung chính:

a) Thông tin chung về cán bộ (Họ tên, giới tính, năm sinh, dân tộc, chức danh, học hàm/học vị, chuyên ngành được đào tạo, địa chỉ, điện thoại, fax, email);

b) Thông tin về nơi làm việc của cán bộ;

c) Thông tin về trình độ chuyên môn, lĩnh vực nghiên cứu chính;

d) Thông tin về các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do cán bộ nghiên cứu chủ trì và tham gia;

đ) Thông tin về các công bố khoa học và công nghệ, sáng chế và giải pháp hữu ích.

2. Cơ sở dữ liệu về Cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được xây dựng và quản lý tập trung tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh có trách nhiệm cập nhật thông tin về cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thuộc sự quản lý của bộ, ngành và địa phương vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

3. Cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ ngoài công lập được khuyến khích cung cấp thông tin cho tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp tỉnh tại địa bàn để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

Điều 10. Cơ sở dữ liệu về Nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Cơ sở dữ liệu về Nhiệm vụ khoa học và công nghệ là tập hợp thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành, kết quả thực hiện nhiệm vụ và thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, bao gồm các nội dung chính:

- a) Thông tin về tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- b) Thông tin về tổ chức chủ trì, tổ chức phối hợp triển khai, cơ quan chủ quản;
- c) Thông tin về chủ nhiệm nhiệm vụ và các cá nhân tham gia chính;
- d) Mục tiêu và nội dung chính;
- đ) Lĩnh vực nghiên cứu và mục tiêu kinh tế - xã hội;
- e) Phương pháp nghiên cứu;
- g) Thông tin về kết quả, sản phẩm;
- h) Kinh phí;
- i) Thời gian bắt đầu; thời gian kết thúc;
- k) Tình trạng nhiệm vụ (đang tiến hành, đã kết thúc, đã được ứng dụng);
- l) Địa chỉ và quy mô ứng dụng;
- m) Hiệu quả ứng dụng;

n) Hiệu quả về kinh tế;

o) Tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường.

2. Cơ sở dữ liệu về Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xây dựng và quản lý tập trung tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh có trách nhiệm cập nhật thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo phân cấp tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 11. Cơ sở dữ liệu về Công bố khoa học và chỉ số trích dẫn khoa học

1. Cơ sở dữ liệu về Công bố khoa học và chỉ số trích dẫn khoa học là tập hợp thông tin về các công bố đăng tải trên các tạp chí khoa học và công nghệ, xuất bản phẩm nhiều kỳ, kỷ yếu hội nghị khoa học và công nghệ, tuyển tập các báo cáo khoa học của Việt Nam được xuất bản trong nước và quốc tế.

2. Thông tin được xử lý và cập nhật vào cơ sở dữ liệu là thông tin thư mục và thông tin toàn văn công bố, bao gồm các nội dung chính:

a) Thông tin nhan đề;

b) Thông tin về tác giả;

c) Thông tin về cơ quan chủ trì và tài trợ chính;

d) Thông tin mô tả nội dung, chủ đề;

đ) Thông tin về tài liệu tham khảo;

e) Thông tin về chỉ số trích dẫn khoa học;

g) Toàn văn hoặc liên kết tới nguồn toàn văn của công bố khoa học.

3. Cơ sở dữ liệu về Công bố khoa học và trích dẫn khoa học được xây dựng và quản lý tập trung tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Điều 12. Cơ sở dữ liệu Thống kê khoa học và công nghệ

1. Cơ sở dữ liệu Thống kê khoa học và công nghệ là tập hợp thông tin, dữ liệu tổng hợp từ kết quả chính thức của các cuộc điều tra và chế độ báo cáo thống kê về khoa học và công nghệ trên quy mô toàn quốc, bao gồm các nội dung chính:

a) Thông tin thống kê tổng hợp về tổ chức có hoạt động khoa học và công nghệ;

b) Thông tin thống kê tổng hợp về nhân lực khoa học và công nghệ;

- c) Thông tin thống kê tổng hợp về kinh phí dành cho khoa học và công nghệ;
- d) Thông tin thống kê tổng hợp về các nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- đ) Thông tin thống kê tổng hợp về hợp tác và hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ;
- e) Thông tin thống kê tổng hợp về đổi mới sáng tạo;
- g) Thông tin thống kê tổng hợp về hoạt động sở hữu công nghiệp.

2. Cơ sở dữ liệu Thống kê khoa học và công nghệ được xây dựng và quản lý tập trung tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Điều 13. Cơ sở dữ liệu Công nghệ, công nghệ cao, chuyển giao công nghệ

1. Cơ sở dữ liệu Công nghệ, công nghệ cao, chuyển giao công nghệ là tập hợp thông tin tổng hợp về công nghệ, công nghệ cao và số liệu về chuyển giao công nghệ tại Việt Nam, bao gồm các nội dung chính:

- a) Thông tin về công nghệ và thiết bị;
- b) Thông tin về dự án ứng dụng công nghệ cao; dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao; cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao;
- c) Thông tin về chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam; chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài và chuyển giao công nghệ trong nước.

2. Cơ sở dữ liệu Công nghệ, công nghệ cao, chuyển giao công nghệ được xây dựng và quản lý tập trung tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Điều 14. Cơ sở dữ liệu Thông tin về khoa học và công nghệ trong khu vực và trên thế giới

1. Cơ sở dữ liệu Thông tin về khoa học và công nghệ trong khu vực và trên thế giới là tập hợp thông tin thống kê tổng hợp về tiềm lực và hoạt động khoa học và công nghệ của các quốc gia trong khu vực ASEAN và trên thế giới, bao gồm các nội dung chính:

- a) Thông tin thống kê tổng hợp về nhân lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;
- b) Thông tin thống kê tổng hợp về kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;
- c) Thông tin thống kê tổng hợp về kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, công bố khoa học và công nghệ, sáng chế và giải pháp hữu ích;

d) Thông tin thống kê tổng hợp về hoạt động đổi mới sáng tạo.

2. Cơ sở dữ liệu Thông tin về khoa học và công nghệ trong khu vực và trên thế giới được xây dựng và quản lý tập trung tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Điều 15. Cơ sở dữ liệu Doanh nghiệp khoa học và công nghệ

1. Cơ sở dữ liệu Doanh nghiệp khoa học và công nghệ là tập hợp thông tin về doanh nghiệp thực hiện sản xuất, kinh doanh các loại sản phẩm, hàng hoá hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do doanh nghiệp được quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp và thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; sản xuất, kinh doanh và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật bao gồm các nội dung chính:

a) Thông tin chung về doanh nghiệp (Tên giao dịch, tên viết tắt, tên tiếng Anh, địa chỉ, điện thoại, website, email, mã số thuế, ngày thành lập);

b) Thông tin về loại hình doanh nghiệp;

c) Thông tin về lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính;

d) Thông tin về lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ;

đ) Thông tin về hoạt động nghiên cứu khoa học, ươm tạo và làm chủ công nghệ của doanh nghiệp;

e) Thông tin về tài sản trí tuệ của doanh nghiệp;

g) Thông tin về sản phẩm, dịch vụ khoa học và công nghệ chính của doanh nghiệp;

h) Thông tin về vốn điều lệ và doanh thu hàng năm của doanh nghiệp;

i) Thông tin về các sản phẩm, dịch vụ hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của doanh nghiệp; thông tin về doanh thu tăng thêm hàng năm từ việc ứng dụng công nghệ mới;

k) Thông tin về kinh phí đầu tư hàng năm cho hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp;

l) Thông tin về hoạt động chuyển giao công nghệ của doanh nghiệp.

2. Cơ sở dữ liệu Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được xây dựng, quản trị, vận hành và phát triển tại Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ và được kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

Điều 16. Cơ sở dữ liệu Thông tin sở hữu trí tuệ

1. Cơ sở dữ liệu Thông tin sở hữu trí tuệ là tập hợp thông tin về hoạt động

sở hữu trí tuệ tại Việt Nam, bao gồm các cơ sở dữ liệu thành phần sau:

- a) Cơ sở dữ liệu công bố thông tin sở hữu công nghiệp;
- b) Cơ sở dữ liệu sáng chế toàn văn;
- c) Cơ sở dữ liệu về tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp, người đại diện sở hữu công nghiệp;
- d) Cơ sở dữ liệu về tổ chức, cá nhân đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp.

2. Cơ sở dữ liệu Thông tin sở hữu trí tuệ được xây dựng, quản trị, vận hành và phát triển tại Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ và kết nối các thông tin sở hữu công nghiệp được công bố công khai với Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

Điều 17. Cơ sở dữ liệu tiêu chuẩn đo lường chất lượng

1. Cơ sở dữ liệu tiêu chuẩn đo lường chất lượng là tập hợp thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia, thông tin về các hoạt động đo lường, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, giải thưởng chất lượng quốc gia, bao gồm các cơ sở dữ liệu thành phần sau:

- a) Cơ sở dữ liệu thư mục tiêu chuẩn quốc gia;
- b) Cơ sở dữ liệu thư mục quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương;
- c) Cơ sở dữ liệu các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã đăng ký, được chỉ định;
- d) Cơ sở dữ liệu giải thưởng chất lượng quốc gia.

2. Cơ sở dữ liệu tiêu chuẩn đo lường chất lượng được xây dựng, quản trị, vận hành và phát triển tại Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Bộ Khoa học và Công nghệ và được kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

Chương III

XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, XỬ LÝ VÀ CẬP NHẬT

CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 18. Xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ

Việc xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ bao gồm những nội dung sau:

1. Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, phần mềm Cơ sở dữ liệu

quốc gia dùng chung và cơ sở dữ liệu thành phần, bảo đảm kết nối và chia sẻ dữ liệu thống nhất trên toàn bộ hệ thống;

2. Thu thập, xử lý và cập nhật thông tin vào các cơ sở dữ liệu thành phần của Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ;

3. Tổng hợp và tích hợp thông tin từ các cơ sở dữ liệu thành phần của Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ;

4. Quản lý quyền truy cập và quyền cập nhật thông tin trong Cơ sở dữ liệu;

5. Theo dõi, giám sát tình hình sử dụng Cơ sở dữ liệu;

6. Bảo đảm an toàn, an ninh;

7. Đào tạo nhân lực và hỗ trợ vận hành khai thác Cơ sở dữ liệu.

Điều 19. Trách nhiệm cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ

1. Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc cập nhật thông tin của bộ, ngành, địa phương và chịu trách nhiệm về nội dung thông tin được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

2. Các đơn vị được giao xây dựng, quản trị, vận hành cơ sở dữ liệu thành phần có trách nhiệm: Kiểm tra, xác thực nội dung thông tin do các tổ chức đầu mối thông tin khoa học và công nghệ, các tổ chức và cá nhân khác cung cấp trước khi cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ; thực hiện việc cập nhật thông tin do mình quản lý và chịu trách nhiệm về nội dung thông tin được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

Điều 20. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ

Cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ bao gồm:

1. Mạng thông tin nghiên cứu và đào tạo quốc gia (sau đây gọi tắt là mạng VinaREN) là nòng cốt của hạ tầng thông tin khoa học và công nghệ, kết nối các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ, và các viện nghiên cứu, trường đại học trong nước với cộng đồng khoa học và công nghệ quốc tế;

2. Trung tâm dữ liệu, các phòng máy chủ bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật cho việc vận hành của Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ;

3. Hệ thống số hóa và tạo dựng nội dung số;

4. Hệ thống máy chủ (dịch vụ, quản trị);
5. Hệ thống sao lưu và lưu trữ dữ liệu;
6. Hệ thống an toàn, an ninh và bảo mật thông tin;
7. Hệ thống trang thiết bị phục vụ việc truy nhập, khai thác và cập nhật thông tin;
8. Hệ thống cơ sở phần mềm hạ tầng.

Điều 21. Bảo đảm an toàn Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ

Các biện pháp bảo đảm an toàn cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ bao gồm:

1. Sử dụng kênh mã hóa và xác thực người dùng cho các hoạt động sau: Đăng nhập quản trị hệ thống; đăng nhập vào các ứng dụng; gửi nhận dữ liệu tự động giữa các máy chủ; nhập và biên tập dữ liệu;
2. Mã hóa đường truyền Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ;
3. Áp dụng các biện pháp bảo đảm tính xác thực và bảo vệ sự toàn vẹn của dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ;
4. Thực hiện lưu vết việc tạo, thay đổi, xóa thông tin dữ liệu để phục vụ cho việc quản lý, giám sát hệ thống;
5. Thiết lập và duy trì hệ thống dự phòng nhằm bảo đảm hệ thống hoạt động liên tục;
6. Thực hiện các biện pháp cần thiết khác để bảo đảm an toàn Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

Điều 22. Sử dụng các bảng phân loại

Trong quá trình xây dựng, xử lý, cập nhật Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ, các tổ chức, cá nhân có liên quan sử dụng các bảng phân loại sau:

1. Bảng phân loại thống kê khoa học và công nghệ ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKH-CN ngày 04 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;
2. Bảng phân loại nội dung "Khung đề mục của hệ thống thông tin khoa học và công nghệ quốc gia";
3. Các bảng phân loại về sáng chế quốc tế (IPC), kiểu dáng công nghiệp (Bảng phân loại Locarno), các yếu tố hình của nhãn hiệu trong đăng ký nhãn hiệu (Bảng phân loại Vienne), hàng hóa/dịch vụ trong đăng ký nhãn hiệu (Bảng

phân loại Nice) và các bảng phân loại khác trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ;

4. Các bảng phân loại về tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn địa phương và các lĩnh vực khác về tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

Chương IV

KHAI THÁC, SỬ DỤNG, DUY TRÌ VÀ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 23. Khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ

1. Các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh được quyền khai thác toàn văn Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ theo phân cấp.

2. Mọi tổ chức, cá nhân có quyền tiếp cận và sử dụng miễn phí trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ những thông tin sau:

a) Danh mục tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

b) Thông tin thư mục về: nhiệm vụ khoa học và công nghệ; tài liệu khoa học và công nghệ; thông tin sở hữu trí tuệ; thông tin tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng;

c) Số liệu thống kê tổng hợp về khoa học và công nghệ;

d) Thông tin tổng hợp về công nghệ, công nghệ cao và chuyển giao công nghệ tại Việt Nam;

đ) Thông tin về khoa học và công nghệ trong khu vực và trên thế giới.

3. Các tổ chức tham gia thu thập, xử lý, cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia được truy cập và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia theo phân quyền; được quyền trích xuất dữ liệu do mình trực tiếp đóng góp để tổ chức thành bộ dữ liệu riêng phục vụ yêu cầu của bộ, ngành và địa phương.

4. Các cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ được cấp quyền truy cập Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ để phục vụ công tác quản lý nhà nước, hoạch định chính sách khoa học và công nghệ.

5. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được quyền yêu cầu cung cấp thông tin về khoa học và công nghệ có liên quan để phục vụ công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

Điều 24. Duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ

1. Cơ quan quản lý và các cơ quan, tổ chức tham gia xây dựng, vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ có trách nhiệm bố trí nhân lực, cơ sở vật chất và bảo đảm kinh phí thường xuyên cho việc duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

2. Phát triển hạ tầng thông tin, cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng nhu cầu sử dụng trong nước và kết nối quốc tế

a) Đầu tư, hiện đại hóa hạ tầng kỹ thuật, trung tâm dữ liệu quốc gia tương thích với các chuẩn quốc tế;

b) Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực quản trị, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu;

c) Nghiên cứu phát triển các phần mềm cơ sở dữ liệu bảo đảm kết nối và chia sẻ dữ liệu thống nhất trên toàn quốc và tương thích với các chuẩn dữ liệu quốc tế.

3. Phát triển nội dung thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý, nghiên cứu và đào tạo về khoa học và công nghệ

a) Nghiên cứu phát triển cấu trúc và tiêu chí dữ liệu của Cơ sở dữ liệu quốc gia và các cơ sở dữ liệu thành phần;

b) Phát triển các cơ sở dữ liệu thành phần khác phù hợp với yêu cầu phát triển khoa học và công nghệ.

4. Đào tạo đội ngũ nhân lực phục vụ xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia và các cơ sở dữ liệu thành phần.

Điều 25. Vận hành, bảo trì, giám sát, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, phần mềm của Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ

Hoạt động vận hành, bảo trì, giám sát, nâng cấp Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ bao gồm các nội dung:

1. Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn vật lý và môi trường tại trung tâm dữ liệu điện tử;

2. Thực hiện các biện pháp sao lưu để bảo đảm khả năng khôi phục hệ thống khi xảy ra sự cố. Dữ liệu sao lưu phải được bảo vệ an toàn, định kỳ kiểm tra và phục hồi thử hệ thống từ dữ liệu sao lưu để sẵn sàng sử dụng khi cần thiết;

3. Thực hiện các biện pháp bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ hoạt động liên tục 24 giờ trong ngày;

4. Thực hiện hoạt động giám sát để cảnh báo các hành vi gây mất an toàn Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ;

5. Thực hiện định kỳ rà soát, đề xuất phương án nâng cấp, phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm của Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ cho phù hợp với nhu cầu thực tế.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

Điều 26. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan quản lý nhà nước về Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

2. Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia là cơ quan giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ, bao gồm:

a) Xây dựng quy chế bảo đảm an toàn, an ninh, sao lưu dự phòng, chế độ bảo mật dữ liệu của Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ;

b) Xây dựng, thu thập, xử lý, cập nhật Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ;

c) Quản lý tài khoản quản trị Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ;

d) Quy định về kỹ thuật, phân quyền cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ;

đ) Chủ trì tổ chức thực hiện việc xây dựng, cập nhật, tích hợp dữ liệu, thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ;

e) Phối hợp với các đơn vị được giao xây dựng, quản trị, vận hành cơ sở dữ liệu thành phần bảo đảm sự tương thích giữa hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu thành phần và hệ thống quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ. Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản trị, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ của các tổ chức tham gia xây dựng, quản trị, vận hành cơ sở dữ liệu thành phần;

g) Tổng hợp và cập nhật tình hình quản lý, khai thác sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ trong phạm vi cả nước;

h) Đào tạo cán bộ xây dựng và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

3. Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Cục Sở hữu trí tuệ, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng xây dựng, quản trị và vận hành cơ sở dữ liệu thành phần được quy định tại các Điều 15, 16 và 17 của

Thông tư này.

Điều 27. Trách nhiệm của các bộ, ngành

1. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý.

2. Chỉ đạo tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp bộ tham gia xây dựng, cập nhật Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện cung cấp thông tin có liên quan về tổ chức, nhân lực và nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp bộ. Bảo đảm cập nhật đầy đủ, chính xác thông tin về tổ chức có hoạt động khoa học và công nghệ, nhân lực và nhiệm vụ khoa học và công nghệ vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

3. Bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị, bố trí kinh phí trong dự toán hàng năm cho các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp bộ triển khai thực hiện thu thập, số hóa, xử lý và cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

Điều 28. Trách nhiệm của tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp bộ

1. Trách nhiệm xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ

a) Tham gia xây dựng, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ;

b) Thực hiện các biện pháp quản lý quyền truy cập và cập nhật các thông tin thuộc phạm vi quản lý để bảo đảm an toàn, an ninh cho hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ và hạ tầng kỹ thuật thông tin.

2. Trách nhiệm thu thập, xử lý, cập nhật, tích hợp dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ

a) Thu thập, xử lý, cập nhật thông tin về các tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc bộ, ngành;

b) Thu thập, xử lý, cập nhật thông tin về cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành;

c) Thu thập, xử lý, cập nhật và tích hợp dữ liệu thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Bảo đảm an toàn tài khoản quản trị Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ được cấp.

Điều 29. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý.

2. Chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ tham gia xây dựng, cập nhật và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm túc trách nhiệm cung cấp thông tin có liên quan về tổ chức, nhân lực và nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

3. Bảo đảm cập nhật đầy đủ, chính xác thông tin về tổ chức, nhân lực và nhiệm vụ khoa học và công nghệ vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

4. Bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị, bố trí kinh phí trong dự toán hàng năm cho Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện xây dựng, cập nhật, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

Điều 30. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Phối hợp với Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ theo phân cấp và chức năng, nhiệm vụ.

2. Chỉ đạo tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp tỉnh tham gia xây dựng, cập nhật và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

3. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về xây dựng, cập nhật, quản trị, khai thác sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

4. Bảo đảm kinh phí trong dự toán hàng năm cho tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai thực hiện thu thập, số hóa, xử lý và cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

Điều 31. Trách nhiệm của tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Trách nhiệm xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ

a) Tham gia xây dựng, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ trên nền tảng mạng VinaREN;

b) Thực hiện các biện pháp quản lý quyền truy cập và cập nhật các thông tin thuộc phạm vi quản lý để bảo đảm an toàn, an ninh cho hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ và hạ tầng kỹ thuật thông tin.

2. Trách nhiệm thu thập, xử lý, cập nhật, tích hợp dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ

a) Thu thập, xử lý, cập nhật thông tin về các tổ chức khoa học và công nghệ tại địa phương;

b) Thu thập, xử lý, cập nhật thông tin về cán bộ nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước ở địa phương;

c) Thu thập, xử lý, cập nhật và tích hợp dữ liệu thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Bảo đảm an toàn tài khoản quản trị Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ được cấp.

Điều 32. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoa học và công nghệ

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập có trách nhiệm cung cấp và cập nhật thông tin về tổ chức và nhân lực khoa học và công nghệ của mình cho các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ theo phân cấp để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

2. Cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thuộc các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm cung cấp và cập nhật thông tin cá nhân cho tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ để đưa vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 33. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2017.

2. Trong trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Thông tư này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì áp dụng theo văn bản mới được ban hành.

Điều 34. Trách nhiệm thi hành

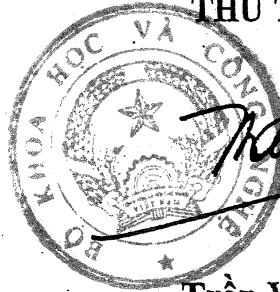
1. Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng CP;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo;
- Website Chính phủ, Bộ KH&CN;
- Các đơn vị thuộc Bộ KH&CN;
- Lưu: VT, TTKHCN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Việt Thanh